

Số: 26 /QĐ-TH&THCSVD

Việt Dân, ngày 14 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán thu , chi ngân sách và nguồn khác năm 2021 của trường Tiểu học&THCS Việt Dân

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TH&THCS VIỆT DÂN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC, ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 182/QĐ-PGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều về giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 42/QĐ-PGDĐT ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-PGDĐT ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều việc Phê duyệt phân bổ dự toán chi sự nghiệp Giáo dục khác (Nguồn kinh phí không tự chủ) năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 166/QĐ-PGDĐT ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều về việc Phê duyệt phân bổ dự toán chi sự nghiệp Giáo dục khác (Nguồn kinh phí không tự chủ) năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 188/QĐ-PGDĐT ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều về giao bổ sung dự toán chi sự nghiệp Giáo dục khác (Nguồn kinh phí không tự chủ) năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 203/QĐ-PGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều về giao bổ sung dự toán chi sự nghiệp Giáo dục khác (Nguồn kinh phí tự chủ) năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 205/QĐ-PGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều về giao bổ sung dự toán chi sự nghiệp Giáo dục khác (Nguồn kinh phí không tự chủ) năm 2021;

Ngô Thị Nguyệt

Đơn vị: TRƯỜNG TH& THCS VIỆT DÂN
Chương: 622 Loại 070 Khoản 072;073

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, NGUỒN KHÁC NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số: 24/QĐ- TH&THCS ngày 31/03/2022 của trường Tiểu học &THCS Việt Dân)

ĐV tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu	670.146.875	670.146.875	0	
I	Tổng số thu	670.146.875	670.146.875	0	
1	Số thu phí, lệ phí	34.425.000	34.425.000		
1.1	Lệ phí				
1.2	Học phí	34.425.000	34.425.000		
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ				
3	Thu sự nghiệp khác	635.721.875	342.907.820		
3.1	Tiền chăm sóc sức khỏe ban đầu	22.823.820	22.823.820	0	
3.2	Tiền tin học	29.530.000	29.530.000	0	
3.3	Tiền học Tiếng Anh NN	121.632.000	121.632.000	0	
3.4	Tiền vệ sinh chung	9.810.000	9.810.000	0	
3.5	Tiền Kỹ năng sống	126.038.000	126.038.000	0	
3.6	Tiền trông xe đạp	16.640.000	16.640.000	0	
3.7	Tiền nước uống	16.434.000	16.434.000		
3.8	Tiền BHYT	292.814.055	292.814.055	0	
B	Quyết toán chi	670.146.875	670.146.875		
1	Chi từ nguồn thu được để lại	34.425.000	34.425.000		
4	Chi từ nguồn thu sự nghiệp khác	635.721.875	635.721.875	0	
4.1	Tiền chăm sóc sức khỏe ban đầu	22.823.820	22.823.820	0	
4.2	Tiền tin học	29.530.000	29.530.000	0	
4.3	Tiền học Tiếng Anh NN	121.632.000	121.632.000	0	
4.4	Tiền vệ sinh chung	9.810.000	9.810.000	0	
4.5	Tiền Kỹ năng sống	126.038.000	126.038.000	0	
4.6	Tiền trông xe đạp	16.640.000	16.640.000	0	
4.7	Tiền nước uống	16.434.000	16.434.000	0	
4.8	Tiền BHYT	292.814.055	292.814.055		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	5.424.682.000	5.424.682.000	0	
1	Chi quản lý hành chính			0	
2	Nghiên cứu khoa học			0	
3	Chi nghiệp vụ giáo dục đào tạo dạy nghề	5.424.682.000	5.424.682.000	0	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5.131.440.000	5.131.440.000	0	
a	Chi thanh toán cho cá nhân	3.881.339.722	3.881.339.722	0	
	Mục 6000: Tiền lương	1.910.299.866	1.910.299.866	0	
	Mục 6050: Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	36.701.008	36.701.008	0	
	Mục 6100: Phụ cấp lương	1.192.981.028	1.192.981.028	0	
	Mục 6200: Tiền thưởng	14.751.000	14.751.000	0	

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	11.190.000	11.190.000	0	
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	529.167.620	529.167.620	0	
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	186.249.200	186.249.200	0	
b	<u>Chi nghiệp vụ chuyên môn</u>	<u>1.168.989.028</u>	<u>1.168.989.028</u>	0	
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	97.523.391	97.523.391	0	
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	332.949.000	332.949.000	0	
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc	44.630.937	44.630.937	0	
	Mục 6650: Hội nghị	10.125.000	10.125.000	0	
	Mục 6700: Công tác phí	23.420.000	23.420.000	0	
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	97.088.400	97.088.400	0	
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	265.011.300	265.011.300	0	
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	97.150.000	97.150.000	0	
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	169.061.000	169.061.000	0	
	Mục 7050: Mua tài sản vô hình	32.030.000	32.030.000	0	
c	<u>Các khoản chi khác</u>	<u>81.111.250</u>	<u>81.111.250</u>	0	
	Mục 7750: Chi khác	81.111.250	81.111.250	0	
3.2	<u>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</u>	<u>293.242.000</u>	<u>293.242.000</u>	0	
a	<u>Chi thanh toán cho cá nhân</u>	<u>49.242.000</u>	<u>49.242.000</u>	0	
	Mục 6100: Phụ cấp lương	28.917.000	28.917.000	0	
	Mục 6150: Học bổng và hỗ trợ cho HS SV	9.825.000	9.825.000	0	
	Mục 6400: các khoản thanh toán khác cho cá nhân	9.000.000	9.000.000	0	
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn cá nhân	1.500.000	1.500.000	0	
b	<u>Chi nghiệp vụ chuyên môn</u>	<u>244.000.000</u>	<u>244.000.000</u>	0	
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	235.000.000	235.000.000	0	
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	9.000.000	9.000.000		

Việt Dân, ngày 31 tháng 03 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Ngô Thị Nguyệt